

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ R
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/DS-ST

Ngày: 02/4/2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Hoạt

2. Ông Lê Xuân Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố R.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R: Ông Bùi Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Vào ngày 02 tháng 4 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố R xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 138/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2021/QĐST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị Ngọc T, sinh năm:1995; Nơi cư trú: Thôn U, xã O, huyện N, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của bà Đỗ Thị Ngọc T: Bà Nguyễn Thị Minh A, sinh năm: 1985; Nơi cư trú: L, phường CP, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. Theo Giấy ủy quyền số 4975 ngày 07/7/2020 của Văn phòng Công chứng Trường An. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Võ Minh H, sinh năm:1993; Nơi cư trú: Thôn B, xã CB, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 09/7/2020, bản tự khai ngày 10/9/2020 và quá trình giải quyết vụ án, đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Minh A trình bày:* Do quen biết nên ngày 05/3/2019, bà Đỗ Thị Ngọc T cho cho ông Võ Minh H vay số tiền 150.000.000 đồng để làm ăn. Hai bên thỏa thuận lãi suất 0,66%/tháng và cam kết đến ngày 17/4/2020 sẽ trả gốc và lãi. Tại thời điểm

vay tiền, bà T không yêu cầu ông H viết giấy vay. Đến ngày 17/01/2020, bà T yêu cầu ông H viết giấy vay. Đến hạn, bà T nhiều lần yêu cầu ông H trả nợ gốc và lãi nhưng ông H không trả.

Vì vậy, bà T đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông H phải trả cho bà một lần toàn bộ số tiền đã vay 150.000.000 đồng và tiền lãi theo thỏa thuận 0,66%/tháng đến ngày khởi kiện là 16 tháng, cụ thể $150.000.000 \text{ đồng} \times 0,66\%/\text{tháng} \times 16 \text{ tháng} = 15.840.000 \text{ đồng}$, tổng số tiền phải trả là 165.840.000 đồng.

* Tại đơn khởi kiện nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn nhưng bị đơn không có nơi cư trú ổn định. Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo pháp luật tố tụng dân sự nhưng ông H cố tình vắng mặt, không đến Tòa để cung cấp lời khai cũng như tham gia vào các phiên hòa giải, xét xử.

* *Nguyên đơn đã giao nộp*: Giấy vay nợ ghi ngày 17/01/2020 (bản gốc); Sổ hộ khẩu đứng tên ông Đỗ C (bản sao); Giấy chứng minh nhân dân mang tên bà T (bản sao).

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R phát biểu ý kiến*:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đại diện hợp pháp của nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí: Bị đơn phải nộp án phí Dân sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự mà bị đơn có nơi cư trú tại thành phố R nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố R theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đỗ Thị Ngọc T là bà Nguyễn Thị Minh A yêu cầu bị đơn ông Võ Minh H phải trả tiền nợ vay gốc và lãi. Căn cứ vào nội dung vụ án, căn cứ Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[1.3] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Ngày 09/3/2021, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy yêu cầu của bà A là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1

Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà A.

Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn ông H nhưng ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Căn cứ vào “Giấy vay nợ” lập ngày 17/01/2020 của ông Võ Minh H do đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định: Vào ngày 05/3/2019, ông H có vay của bà T số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất 1.000.000 đồng/tháng; ông H cam kết đến ngày 17/4/2020 sẽ trả hết số tiền gốc và lãi cho bà T. Tuy nhiên, ông H không thực hiện đúng cam kết trả nợ. Xét: Việc vay tài sản giữa nguyên đơn bà T và bị đơn ông H là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, ông H không thực hiện đúng cam kết trả nợ đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T; từ ngày Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến khi xét xử, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông H đến Tòa để giải quyết vụ án nhưng ông H không chấp hành, không có thiện chí đến Tòa án tham gia hòa giải. Do đó, nguyên đơn bà T yêu cầu bị đơn ông H phải trả cho ông số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng là có cơ sở, phù hợp với Điều 463, Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu tiền lãi: Bà T yêu cầu ông H phải trả tiền lãi từ ngày 05/3/2019 cho đến ngày khởi kiện là 16 tháng với lãi suất 0,66%/tháng. Theo “Giấy vay nợ” lập ngày 17/01/2020, lãi suất hai bên thỏa thuận là 1.000.000 đồng/tháng nhưng trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chỉ yêu cầu ông H trả lãi 0,66%/tháng. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn bà T và phù hợp với Điều 468 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, bị đơn ông H phải trả tiền lãi 16 tháng với lãi suất 0,66%/tháng trên số tiền gốc 1500.000.000 đồng là 15.840.000 đồng.

[3] Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông H phải nộp 8.292.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 463, 466, 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Thị Ngọc T. Buộc ông Võ Minh H phải trả cho bà Đỗ Thị Ngọc T 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) tiền gốc và 15.840.000 đồng (Mười lăm triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng)

tiền lãi, tổng cộng là 165.840.000 đồng (Một trăm sáu mươi lăm triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng).

2. Về án phí:

Ông Võ Minh H phải nộp 8.292.000 đồng (Tám triệu hai trăm chín mươi hai nghìn đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Đỗ Thị Ngọc T 4.146.000 đồng (Bốn triệu một trăm bốn mươi sáu nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0000784 ngày 03/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố R.

3. Quy định: Kể từ ngày bà Đỗ Thị Ngọc T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Võ Minh H không thi hành khoản tiền phải trả thì hàng tháng phải chịu thêm tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bà Đỗ Thị Ngọc T, ông Võ Minh H có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND t.p R;
- CCTHADS t.p R;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hồng Công